

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 13: từ ngày 10/11/2025 đến ngày 16/11/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
K10-DVTY P.E201	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1 Vi sinh vật học TY (Duyên) 3	CĐ và ĐTH thú y (Vân) 4	Luật thú y (Nga) 4	Phương pháp thí nghiệm (Hằng) 4	Quản trị kinh doanh (Hoa) 4
K11-DVTY P.E302	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1 CĐ và ĐTH thú y (Vân) 3	KTNPTB cho chó mèo (Lệ) 4	Quản trị kinh doanh (Hoa) 4	Vi sinh vật học TY (Duyên) 4	Phương pháp thí nghiệm (Phượng) 4
K10-KTDN K11-KTDN P.E305	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 Kỹ năng mềm (Dung) 4	Anh văn CN (Phiên) 4		Anh văn CN (Phiên) 4	
	Chiều					
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1 P.B102	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1 Cây dược liệu (Bình) 3	Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4	CBBQ sau thu hoạch (Huệ) 4	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Phòng trừ dịch hại (Triệu) 4
TT65A1 P.B201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1 GD chính trị (Quế) 2 GDTC (Quang) 2		Sinh lý TV (Huệ) 4	Tin học (Thoa) 4	Sinh lý TV (Huệ) 4
	Chiều					
TT65A3 P.B306	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1 GD chính trị (Quế) 2 GDTC (Quang) 2		Giống cây trồng (Huyền) 4	Sinh lý TV (Huệ) 4	Tin học (Thoa) 4
	Chiều		Các môn GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1			
CN64A1 P.E202	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1 KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 3	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 4	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 4	KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 4
CN65A1 P.B202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> 1 Dược lý thú y (Lệ) 4		Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	GP sinh lý vật nuôi (Hằng) 4	Pháp luật (Huyền) 2 GD chính trị (Tài) 2
	Chiều					
CN65A3 P.B203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i> 1 Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4		Dược lý thú y (Duyên) 4	KTTG (Nga) 4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4
	Chiều					

CN65A4 P.E101	Sáng	Sinh hoạt lớp (Văn)	1		Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	4	Giáo dục QP-AN(Mạnh)	4	GD chính trị (Quế)	2	
	Chiều	KTTG (Nga)	4						GDTC (Hà)	2	
LN65A P.Hội thảo	Sáng	Sinh hoạt lớp (Lịch)	1		An toàn lao động (Hùng)	4	Tin học (Thoa)	4	Đo đạc (Tuyết)	4	
		GD chính trị (Quế)	2								
		GDTC (Quang)	2								
Các môn Tin học, GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1											
KTDN64A1 P.E204	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hoa)	1	Thống kê doanh nghiệp	4	Thống kê doanh nghiệp	4	Thống kê doanh nghiệp	4	TH KT trong DNSX (T.Thảo)	4
		KTNS xã phường (Hoa)	3	(Thuý)		(Thuý)		(Thuý)			
KTDN64A2 P.E304	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Thuý)	1	Thuế (P.Thảo)	4	TH KT trong DNSX (Mai)	4	TH KT trong DNSX (Mai)	4	TH KT trong DNSX (Mai)	4
		Kế toán DN 2 (Dung)	3								
KTDN65A1 P.B103	Sáng	Sinh hoạt lớp (Dung)	1			Tiếng anh (Linh)	4	Nguyên lý thống kê (Hoa)	4	Tiếng anh (Linh)	4
	Chiều	Kỹ năng mềm (Dung)	4								
KTDN65A2 P.B104	Sáng	Sinh hoạt lớp (P.Thảo)	1			Tiếng anh (K.Nhung)	4	Pháp luật (Huyền)	2	Kỹ năng mềm (Son)	2
	Chiều	Lý thuyết KT (P.Thảo)	4					GD chính trị (Thắm)	2	GDTC (Quang)	2
										Tiếng anh (K.Nhung)	4
CNTT64A1 P.TH	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Quang)	1	XD phần mềm QL BH (Hà)	4	Lập trình Windown (Thảo)	4	HDH Windown server	4	Lập trình Windown (Thảo)	4
		XD và QL Website (Quang)	3					(Trường)			
CNTT64A2 P.TH	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (T.Thảo)	1	XD và QL Website	4	XD phần mềm QL BH (Hà)	4	Lập trình Windown (Thảo)	4	HDH Windown server	4
		QTCSDL với Access (Phương)	3	(Quang)						(Trường)	
CNTT65A1 P.B205	Sáng	Sinh hoạt lớp (Hà)	1			Kỹ năng mềm (Son)	2	Tiếng anh (K.Nhung)	4	GD chính trị (Thắm)	2
	Chiều	Bảng tính Excel (Hà)	4			Pháp luật (Huyền)	2			Pháp luật (Huyền)	2
CNTT65A2 P.B204	Sáng	Sinh hoạt lớp (Phương)	1			Pháp luật (Huyền)	2	Kỹ năng mềm (Son)	2	Bảng tính Excel (Hà)	4
	Chiều	Tin học VP (Phương)	4			Kỹ năng mềm (Son)	2	GD chính trị (Quế)	2		
ĐCN64A1 P.E103	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Tuấn)	1	KT máy lạnh và ĐHKK	4	Trang bị điện (Nga)	4	KT máy lạnh và ĐHKK	4	Trang bị điện (Nga)	4
		Cung cấp điện (Tuấn)	3	(Giáp)				(Giáp)			
ĐCN64A2 P.E104	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Giáp)	1	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4	KT máy lạnh và ĐHKK	4	Trang bị điện (Đ.Đức)	4	KT máy lạnh và ĐHKK	4
		KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	3			(Giáp)				(Giáp)	

ĐCN64A3 P.E102	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> Trang bị điện (Nga)	1 3	Cung cấp điện (Tuần) 4	Kỹ thuật điện tử (Tuần) 4	Trang bị điện (Nga) 4	Kỹ thuật điện tử (Tuần) 4
ĐCN 64B	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> Trang bị điện (Đ.Đức)	1 3	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân) 4	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân) 4	Kỹ thuật điện tử (Dương) 4	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân) 4
ĐCN65A1 P.E301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i> Giáo dục QP - AN (Mạnh)	1 4		Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh) 4	Mạch điện (Huyền) 4	Tiếng anh (Phiên) 4
	Chiều						
ĐCN65A2 P.E303	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i> Mạch điện (Huyền)	1 4		Tin học (Phương) 4	Vẽ kỹ thuật điện (N.Đức) 4	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4
	Chiều						
ĐCN65B1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huân)</i> An toàn điện (Hoà)	1 4		Vật liệu điện (Huân) 4	Mạch điện (Dương) 4	Mạch điện (Dương) 4
	Chiều						
ĐCN65B2 P.E302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i> Pháp luật (Huyền)	1 4		Mạch điện (Dương) 4	Tiếng anh (Linh) 4	Tin học (Phương) 4
	Chiều						
ĐCN65B3 P.E304	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh)	1 4		Mạch điện (Huyền) 4	Khí cụ điện (Nga) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 4
	Chiều						
TL64	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> KTTC Công trình TL (N.Đức)	1 3	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà) 3	KTTC Công trình TL (N.Đức) 3	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà) 3	
TL65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> Vật liệu (N.Đức)	1 4		KT an toàn lao động (Hoà) 2 Thủy văn (Hoà) 2	Thủy văn (Hoà) 4	Cơ kỹ thuật (Huyền) 4
	Chiều						
KTDN64B	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Mai)</i> Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai)	1 3	KTNS xã phường (T.Thảo) 4	Kế toán DN2 (Dung) 4	Kế toán DN2 (Dung) 4	Kế toán DN2 (Dung) 4
KTDN65B	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> Lý thuyết KT (T.Thảo)	1 4		Lý thuyết KT (T.Thảo) 4	Kinh tế vi mô (Thuý) 4	Kỹ năng mềm (Dung) 4
	Chiều						
CBBQ64	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> CB nước mắm (Liên)	1 3	Kỹ thuật điện (Năm) 3	Kỹ thuật điện (Năm) 3	CB nước mắm (Liên) 3	
CBBQ65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> Vi sinh vật TP (Liên)	1 4		Hoá sinh học TP (Năm) 4	KT lạnh cơ sở (Năm) 4	Vi sinh vật TP (Liên) 4
	Chiều						

KTMTT64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Năm) 1 Khai thác máy phụ TT (Đông) 3	Khai thác máy phụ TT 3 (Đông)	Khai thác máy phụ TT 3 (Đông)	Khai thác máy phụ TT 3 (Đông)	Khai thác máy phụ TT 3 (Đông)	Khai thác máy phụ TT 3 (Đông)
KTMTT65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Năm) 1 Vẽ kỹ thuật (Trung) 4		Dung sai và KT đo (Đông) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	Cơ kỹ thuật (Huyền) 4	
	Chiều						
NTTS64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) 1 Sản xuất giống cua biển (Ảnh) 3	SX giống tôm thẻ chân trắng 3 (Ảnh)	SX giống tôm thẻ chân trắng 3 (Ảnh)	SX giống tôm thẻ chân trắng 3 (Ảnh)	SX giống tôm thẻ chân trắng 3 (Ảnh)	SX giống tôm thẻ chân trắng 3 (Ảnh)
ĐKTB65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Ảnh) 1 Vẽ kỹ thuật (Trung) 4		ATLĐ hàng hải (Ảnh) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	TT liên lạc hàng hải (Tiền) 4	
	Chiều						

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ LỚP		Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
TT64A2	Sáng		Sinh hoạt lớp (Lịch) 1 CBBQ sau thu hoạch (Huyền) 4	Phòng trừ dịch hại (Lịch) 4
	Chiều		Bệnh cây CK (Hương) 4	CBBQ sau thu hoạch (Huyền) 4
TT64A3 TT65A2 P.B204	Sáng	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Sinh hoạt lớp (Huệ) 1 Côn trùng chuyên khoa (Huệ) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4
	Chiều	Cây lương thực (Bình) 4	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Bệnh cây đại cương (Lịch) 4
CN64A2 CN65A2 P.B205	Sáng	VSV - TN (Phượng) 4	Sinh hoạt lớp (Phượng) 1 VSV - TN (Phượng) 4	Dược lý thú y (Duyên) 4
	Chiều	Khuyến nông (Triệu) 4	Dược lý thú y (Duyên) 4	KTTG (Vân) 4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 CAO ĐẲNG
 NÔNG NGHIỆP
 THANH HOÁ
 Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 10/11/2025 đến ngày 16/11/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	HĐTN (Nhưng) 1 Toán (Nhưng) 3		Địa lý (Thúy) 2 Ngữ văn (Hằng) 2	GDKT và PL (Đ. Thúy) 4	Lịch sử (Hà) 4
	Chiều		Toán (Nhưng) 4	Ngữ văn (Hằng) 4	GDKT và PL (Đ. Thúy) 4	Lịch sử (Hà) 4
VH63B3 P.B302	Sáng	HĐTN (Hà) 1 Hóa học (Hà) 3		Lịch sử (Dự) 2 GDKT và PL (Quế) 2	CĐ địa lý (Phượng) 4	Toán (Lan Anh) 4
	Chiều		Ngữ văn (Hằng) 4	GDKT và PL (Quế) 4	Lịch sử (Dự) 4	Ngữ văn (Hằng) 4
VH63B4 P.B303	Sáng	HĐTN (Dự) 1 CĐ Lịch sử (Dự) 3		Toán (Nhưng) 4	Sinh học (Phượng) 2 GDKT và PL (Quỳnh) 2	GDKT và PL (Quỳnh) 2 Sinh học (Phượng) 2
	Chiều		Ngữ văn (H.Hà) 4	Lịch sử (Dự) 4	Toán (Nhưng) 4	GDKT và PL (Quỳnh) 4
VH63B6 P.B304	Sáng	GDKT và PL (Tài) 1 Hoá học (Vân) 2 HĐTN (Hoà) 1		Địa lý (Duyên) 2 Ngữ văn (Hường) 2	GDKT và PL (Tài) 2 Hoá học (Vân) 2	Lịch sử (Lý) 2 Toán (Nhưng) 2
	Chiều	Toán (Nhưng) 4	Lịch sử (Lý) 4	Ngữ văn (Hường) 4	GDKT và PL (Tài) 4	
VH63B7 P.B305	Sáng	HĐTN (Nga) 1 GDKT và PL (Nga) 3		Vật lý (Hoà) 2 Hoá học (Vân) 2	Địa lý (Ngọc) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	Địa lý (Ngọc) 2 Lịch sử (Lý) 2
	Chiều	Ngữ văn (H.Hà) 4	GDKT và PL (Nga) 4	Địa lý (Ngọc) 4		Toán (Quý) 4
VH63B8 P.B301	Sáng	HĐTN (K.Nhưng) 1 Sinh học (Phượng) 3		GDKT và PL (Quỳnh) 2 Địa lý (Duyên) 2	Lịch sử (Dự) 2 Sinh học (Phượng) 2	Ngữ văn (Hường) 2 Toán (Quý) 2
	Chiều	Lịch sử (Dự) 4	GDKT và PL (Quỳnh) 4		Toán (Quý) 4	Ngữ văn (Hường) 4
VH64B1	Sáng	HĐTN (Hằng) 1 Địa lý (Thúy) 3		Ngữ văn (Hằng) 2 Địa lý (Thúy) 2	Toán (Nhưng) 2 CĐ Ngữ văn (Hằng) 2	GDKT và PL (Thúy) 4

VH64B3 P.B306	Sáng	HĐTN (Vân) CĐ GDKT và PL (Quyên)	1 3		Ngữ văn (Hường) Vật lý (Hoà)	2 2	Hoá học (Vân) Vật lý (Hòa)	2 2	Toán (Dương) Hoá học (Vân)	2 2	
VH64B4 P.E201	Sáng	HĐTN (H.Nga) Vật lý (Trung)	1 3		Ngữ văn (Hà)	4	GDKT và PL (Thắm) Hoá học (Hà)	2 2	Toán (Nhưng) Hoá học (Hà)	2 2	
VH64B5 P.E202	Sáng	HĐTN (Hoà) CĐ Vật lý (Hoà)	1 2		Toán (Dương) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Vật lý (Hoà) Địa lý (Phương)	2 2	Hoá học (Hà) Toán (Dương)	2 2	
VH64B6 P. E204	Sáng	HĐTN (H. Hà) CĐ Địa lý (Duyên)	1 3		Sinh học (Phượng) Hoá học (Hà)	2 2	GDKT và PL (Quyên) Toán (Quý)	2 2	Ngữ văn (H.Hà) GDKT và PL (Quyên)	2 2	
VH64B8 P.E203	Sáng	HĐTN (Phiên) Ngữ văn (Lý)	1 3		GDKT và PL (Tài) Địa lý (Phương)	2 2	Toán (Lan Anh)	4	Hoá học (Vân) CĐ Lịch sử (Dự)	2 2	
VH65B1	Chiều	HĐTN (Thuý) Ngữ văn (Hằng)	1 3	Địa lý (Thuý)	4	Hoá học (Doan) Vật lý (Dịu)	2 2	Toán (Hương)	4	Toán (Hương) GDKT và PL (Thuý)	2 2
VH65B2 P.E301	Chiều	HĐTN (Quyên) GDKT và PL (Quyên)	1 3	Hóa học (Hà) CĐ Lịch sử (Dự)	2 2	Hóa học (Hà) Ngữ văn (H.Hà)	2 2	Toán (Dương) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Toán (Dương) Ngữ văn (H.Hà)	2 2
VH65B3 P.E303	Chiều	HĐTN (Quý) Toán (Quý)	1 3	CĐ Lịch sử (Dự) GDKT và PL (Thắm)	2 2	Địa lý (Phương) GDKT và PL (Thắm)	2 2	Vật lý (Dịu)	4	Ngữ văn (Lý)	4
VH65B4 P.E204	Chiều	HĐTN (Mạnh) CĐ GDKT và PL (Nga)	1 3	Ngữ văn (Chi) Toán (Quý)	2 2	Vật lý (Trung) Toán (Quý)	2 2	Ngữ văn (Chi)	4	CĐ Lịch sử (Nhưng) Hoá học (Vân)	2 2
VH65B5 P.B205	Chiều	HĐTN Toán (Dương)	1 3	Ngữ văn (Hà) Sinh học (Phượng)	2 2	Ngữ văn (Hà) Sinh học (Phượng)	2 2	CĐ GDKT và PL (Nga) CĐ Lịch sử (Nhưng)	2 2	Địa lý (Duyên) Vật lý (Dịu)	2 2
VH65B6 P.B204	Chiều	HĐTN (Linh) GDKT và PL (Thắm)	1 3	Sinh học (Phượng) Ngữ văn (Chi)	2 2	Ngữ văn (Chi)	4	CĐ Lịch sử (Nhưng) Vật lý (Trung)	2 2	GDKT và PL (Thắm) Lịch sử (Nhưng)	2 2
VH65B7 P.B104	Chiều	HĐTN (Phượng) Ngữ văn (Lý)	1 3	Toán (Lan Anh)	4	Sinh học (Phượng) Địa lý (Phương)	2 2	Vật lý (Trung) GDKT và PL (Nga)	2 2		

VH65B8 P.B202	Chiều	HĐTN (Hường)	1	Địa lý (Duyên)	2	Ngữ văn (Hường)	2	Hoá học (Hà)	2	Toán (L.Anh)	4
		Hóa học (Hà)	3	Ngữ văn (Hường)	2	GDKT và PL (Quyên)	2	Sinh học (Phượng)	2		
VH65B9 P.B203	Chiều	HĐTN (Hong)	1	Địa lý (Phương)	2	GDKT và PL (Thắm)	2	Sinh học (Hong)	2	Ngữ văn (Chi)	4
		Toán (Lan Anh)	3	Hoá học (Hà)	2	Hoá học (Hà)	2	Hoá học (Hà)	2		
VH65B10 P.B103	Chiều	HĐTN (Thắm)	1	GDKT và PL (Thắm)	2	Toán (Dương)	4	Ngữ văn (Lý)	4	Địa lý (Thủy)	4
		Sinh học (Hong)	3	Toán (Dương)	2						
VH65B11 P.E101	Chiều	HĐTN (Quế)	1	Toán (Dương)	2	Địa lý (Nga)	2	GDKT và PL (Quế)	2	Sinh học (Hong)	2
		CD Lịch sử (Hằng)	3	Sinh học (Hong)	2	Ngữ văn (Hà)	2	Toán (Dương)	2	Địa lý (Nga)	2

KT-HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG
CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
THÀNH HÓA
Đoàn Văn Lưu